

Số: 2422 /QĐ-TCHQ

Hà Nội, ngày 27 tháng 11 năm 2008

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc ban hành Quy trình kiểm tra thuế, ấn định thuế  
đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu trong khi làm thủ tục hải quan**

**TỔNG CỤC TRƯỞNG TỔNG CỤC HẢI QUAN**

Căn cứ Luật Hải quan và Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Hải quan;  
Căn cứ Luật Quản lý thuế;  
Căn cứ các Nghị định, Thông tư hướng dẫn Luật Hải quan và Luật Quản lý thuế;  
Căn cứ Nghị định số 96/2002/NĐ-CP ngày 19/11/2002 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức bộ máy của Tổng cục Hải quan;  
Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kiểm tra thu thuế xuất nhập khẩu;

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy trình kiểm tra thuế, ấn định thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu trong khi làm thủ tục hải quan.

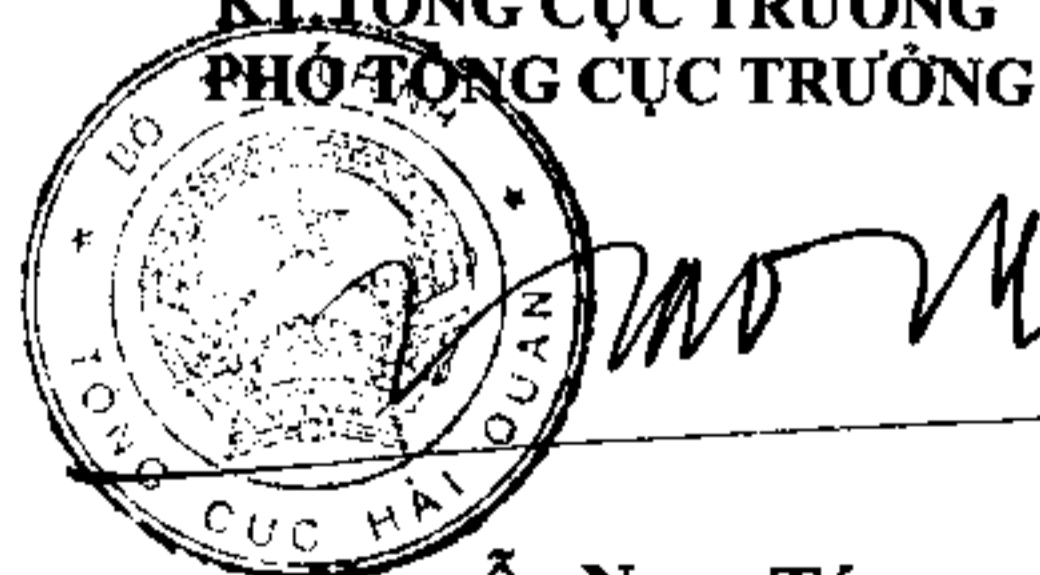
**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Vụ trưởng Vụ Kiểm tra thu thuế xuất nhập khẩu, Cục trưởng Cục hải quan tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Tổng cục Hải quan chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Quyết định này. *nlm*

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Bộ Tài chính (Vụ PC, vụ CST);
- Lãnh đạo Tổng cục;
- Lưu: VT, KTTT (4)

**KI. TỔNG CỤC TRƯỞNG  
PHÓ TỔNG CỤC TRƯỞNG**



**Nguyễn Ngọc Túc**

**QUY TRÌNH KIỂM TRA THUẾ, ÁN ĐỊNH THUẾ  
ĐỐI VỚI HÀNG HÓA XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU  
TRONG KHI LÀM THỦ TỤC HẢI QUAN**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 422/QĐ-TCHQ  
ngày 27 tháng 1 năm 2008 của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan)*

**I. QUY ĐỊNH CHUNG:**

1. Quy trình này hướng dẫn trình tự, thủ tục kiểm tra thuế và án định thuế trong khi làm thủ tục thông quan đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu.

2. Kiểm tra thuế và án định thuế trong khi làm thủ tục thông quan hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu được thực hiện trong quá trình làm thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu. Chi cục trưởng căn cứ tình hình cụ thể của đơn vị đề bố trí thực hiện các bước của quy trình này trong quy trình thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.

3. Kiểm tra thuế, án định thuế đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu phải bảo đảm tuân thủ quy định của pháp luật, nhằm mục đích thu đúng, thu đủ cho ngân sách nhà nước.

Khi thực hiện án định thuế, công chức hải quan phải căn cứ quy định của các Luật thuế, Luật Quản lý thuế, Nghị định và Thông tư hướng dẫn về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế giá trị gia tăng, quản lý thuế và các quy định của quy trình này; việc kiểm tra thuế, án định thuế phải bảo đảm công khai, minh bạch, có đủ căn cứ án định thuế.

4. Nội dung kiểm tra thuế và ấn định thuế trong quy trình này chỉ bao gồm các bước công việc cần thiết phải làm của cơ quan hải quan khi kiểm tra thuế, ấn định thuế.

5. Việc ấn định thuế trong khi làm thủ tục thông quan hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu chỉ thực hiện đối với các lô hàng làm thủ tục thông quan ở luồng vàng và luồng đỏ (bao gồm cả trường hợp chuyển từ luồng xanh sang luồng vàng, từ luồng xanh sang luồng đỏ và từ luồng vàng sang luồng đỏ).

6. Việc trưng cầu giám định của cơ quan, tổ chức giám định chuyên ngành về tên, mã số, trọng lượng, chủng loại, chất lượng hàng hóa để phục vụ công tác kiểm tra thuế, ấn định thuế phải thực hiện theo đúng quy định về giám định chuyên ngành có hiệu lực tại thời điểm đăng ký tờ khai hải quan.

## **II. QUY TRÌNH CỤ THỂ:**

### **Bước 1: Kiểm tra khai báo về thuế:**

1. Sau khi hồ sơ được tiếp nhận và đăng ký, công chức hải quan làm thủ tục hải quan kiểm tra việc khai báo của người khai hải quan trên hồ sơ hải quan về đối tượng chịu thuế, đối tượng miễn thuế, đối tượng xét miễn thuế và xử lý như sau:

a. Trường hợp người khai hải quan khai hàng hóa thuộc đối tượng chịu thuế, không thuộc đối tượng miễn thuế, không thuộc đối tượng xét miễn thuế thì chuyển sang **điểm 2** bước này.

b. Trường hợp người khai hải quan khai hàng hoá không thuộc đối tượng chịu thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và/hoặc thuế giá trị gia tăng và/hoặc thuế tiêu thụ đặc biệt thì kiểm tra các căn cứ để xác định hàng hoá không thuộc đối tượng chịu thuế theo quy định tại các Luật thuế, Luật Quản lý thuế, các văn

bản hướng dẫn thực hiện các Luật này và pháp luật có liên quan có hiệu lực tại thời điểm đăng ký tờ khai:

-Kết quả kiểm tra xác định hàng hoá không thuộc đối tượng chịu thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và/hoặc thuế giá trị gia tăng và/hoặc thuế tiêu thụ đặc biệt thì thực hiện tiếp thủ tục thông quan hàng hóa theo quy trình thủ tục hải quan có hiệu lực tại thời điểm đăng ký tờ khai.

-Kết quả kiểm tra xác định hàng hoá thuộc đối tượng chịu thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và/hoặc thuế giá trị gia tăng và/hoặc thuế tiêu thụ đặc biệt thì chuyển sang **điểm 2** bước này.

c.Trường hợp người khai hải quan khai hàng hoá thuộc đối tượng miễn thuế thì chuyển sang thực hiện thủ tục miễn thuế theo quy trình miễn thuế có hiệu lực tại thời điểm đăng ký tờ khai.

d.Trường hợp người khai hải quan khai hàng hóa thuộc đối tượng xét miễn thuế thuộc thẩm quyền của Chi cục thì chuyển sang **điểm 2** bước này để kiểm tra xác định số thuế phải nộp và thực hiện xét miễn thuế theo quy trình xét miễn thuế sau khi đã hoàn thành thủ tục hải quan.

2.Kiểm tra các yếu tố tính thuế, phương pháp tính thuế và số tiền thuế phải nộp:

2.1.Kiểm tra các yếu tố tính thuế:

a. Kiểm tra khai báo về phân loại mã số hàng hóa:

-Đối chiếu nội dung khai báo về tên hàng, tính chất cấu tạo và chủng loại hàng hóa với hợp đồng, hóa đơn, vận đơn, tài liệu kỹ thuật của hàng hóa (nếu có). Xác định tên và tính chất cấu tạo, chủng loại của hàng hóa.

-Căn cứ kết quả xác định tên và tính chất cấu tạo, chủng loại của hàng hóa và nguyên tắc phân loại hàng hóa theo Danh mục hàng hóa xuất nhập khẩu Việt Nam để xác định mã số của hàng hóa.

b.Kiểm tra khai báo về thuế suất thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu của hàng hóa:

-Đối với hàng hóa xuất khẩu: Căn cứ kết quả xác định mã số của hàng hóa, đối chiếu với Biểu thuế xuất khẩu có hiệu lực tại thời điểm đăng ký tờ khai để xác định mức thuế suất thuế xuất khẩu theo nguyên tắc xác định thuế suất của Biểu thuế xuất khẩu.

-Đối với hàng hóa nhập khẩu: Căn cứ kết quả xác định xuất xứ của hàng hóa để xác định áp dụng thuế nhập khẩu thông thường/ ưu đãi hoặc ưu đãi đặc biệt (ASEAN, ASEAN – Hàn Quốc, ASEAN – Trung Quốc, Việt Nam – Lào, Việt Nam – Campuchia...) theo quy định của pháp luật về thuế. Căn cứ kết quả xác định mã số của hàng hóa, đối chiếu kết quả xác định mã số của hàng hóa với Biểu thuế nhập khẩu tương ứng có hiệu lực tại thời điểm đăng ký tờ khai để xác định thuế suất thuế nhập khẩu, thuế suất thuế giá trị gia tăng, thuế suất thuế tiêu thụ đặc biệt theo nguyên tắc xác định thuế suất của các Biểu thuế.

c.Kiểm tra khai báo về lượng hàng hóa: Đối chiếu nội dung khai báo về lượng hàng hóa với hợp đồng, hóa đơn, vận đơn của hàng hóa. Xác định đơn vị tính và lượng hàng hóa.

d.Kiểm tra khai báo về trị giá tính thuế: Thực hiện theo Quy trình kiểm tra, xác định trị giá tính thuế có hiệu lực tại thời điểm đăng ký tờ khai.

2.2. Kiểm tra phương pháp tính thuế và số tiền thuế phải nộp:

-Đối chiếu phương pháp tính thuế do người khai hải quan khai với phương pháp tính thuế theo quy định của pháp luật về thuế có hiệu lực tại thời điểm đăng ký tờ khai.

-Xác định số tiền thuế phải nộp theo phương pháp tính thuế đã quy định.

2.3. Sau khi kiểm tra các yếu tố tính thuế, phương pháp tính thuế và số tiền thuế phải nộp, công chức hải quan thực hiện như sau:

a. Nếu người khai hải quan khai báo đầy đủ và tự tính được số tiền thuế phải nộp, nội dung khai báo phù hợp với bộ hồ sơ hải quan, bộ hồ sơ hải quan phù hợp với quy định của pháp luật:

-Trường hợp không cần kiểm tra thực tế hàng hóa, tham vấn giá hoặc trung cầu giám định hàng hóa thì kết thúc việc kiểm tra thuế trong thông quan, chuyển sang **điểm b, bước 5** và thực hiện tiếp theo quy trình thủ tục hải quan có hiệu lực tại thời điểm đăng ký tờ khai.

-Trường hợp cần kiểm tra thực tế hàng hóa (bao gồm cả việc phân tích phân loại hàng hoá tại các Trung tâm phân tích phân loại của Hải quan) để làm cơ sở phân loại thì trình Chi cục trưởng quyết định kiểm tra thực tế hàng hóa. Việc kiểm tra thực tế hàng hóa thực hiện theo quy định về kiểm tra thực tế hàng hóa có hiệu lực tại thời điểm đăng ký tờ khai.

-Trường hợp cần trung cầu giám định của cơ quan giám định chức năng để làm cơ sở phục vụ cho cơ quan hải quan xác định trị giá tính thuế và/hoặc mức thuế suất thì trình Chi cục trưởng quyết định việc trung cầu giám định hàng hóa.

-Trường hợp cần tham vấn giá thì trình Chi cục trưởng quyết định tham vấn giá. Việc tham vấn giá thực hiện theo quy định về tham vấn giá và quy trình kiểm tra, tham vấn giá có hiệu lực tại thời điểm đăng ký tờ khai.

b. Nếu người khai hải quan khai báo đầy đủ, nội dung khai báo phù hợp với bộ hồ sơ hải quan, bộ hồ sơ hải quan phù hợp với quy định của pháp luật nhưng không tự tính được số tiền thuế phải nộp thì:

-Trường hợp không cần kiểm tra thực tế hàng hóa, tham vấn giá hoặc trung cầu giám định hàng hóa thì căn cứ vào yếu tố tính thuế đã khai báo để tính số tiền thuế phải nộp của mặt hàng bị ấn định thuế, báo cáo Chi cục trưởng. Chuyển sang **bước 3**.

-Trường hợp cần kiểm tra thực tế hàng hóa để làm cơ sở phân loại thì trình Chi cục trưởng quyết định kiểm tra thực tế hàng hóa. Việc kiểm tra thực tế hàng hóa thực hiện theo quy định về kiểm tra thực tế hàng hóa có hiệu lực tại thời điểm đăng ký tờ khai.

-Trường hợp cần trung cầu giám định của cơ quan giám định chức năng để làm cơ sở phục vụ cho cơ quan hải quan xác định trị giá tính thuế và/hoặc mức thuế suất thì trình Chi cục trưởng quyết định việc trung cầu giám định hàng hóa.

-Trường hợp cần tham vấn giá thì trình Chi cục trưởng quyết định tham vấn giá. Việc tham vấn giá thực hiện theo quy định về tham vấn giá và quy trình kiểm tra, tham vấn giá có hiệu lực tại thời điểm đăng ký tờ khai.

c. Nếu phát hiện người khai hải quan không kê khai các căn cứ tính thuế, có sự bất hợp lý giữa các chứng từ trong hồ sơ hải quan, có sự bất hợp lý giữa kê khai với các chứng từ trong hồ sơ hải quan, hoặc có cơ sở để nghi ngờ người khai hải quan khai báo chưa đúng các yếu tố làm căn cứ tính thuế thì:

-Yêu cầu người khai hải quan giải trình, bổ sung các tài liệu có liên quan đến hàng hóa để làm cơ sở xác định các yếu tố tính thuế.

-Xác định mức bảo đảm đối với lô hàng nhập khẩu phải trả hoãn xác định trị giá (theo quy định tại Điều 16 Nghị định số 40/2007/NĐ-CP ngày 16/3/2007 của Chính phủ).

-Trình Chi cục trưởng quyết định việc kiểm tra thực tế hàng hóa, trưng cầu giám định hàng hóa tại cơ quan giám định chức năng hoặc tham vấn giá.

**Bước 2:** Xác định số tiền thuế phải nộp sau khi người khai hải quan giải trình, bổ sung tài liệu, sau khi kiểm tra thực tế hàng hoá, giám định hàng hoá, hoặc tham vấn giá:

Công chức hải quan làm thủ tục hải quan kiểm tra, đối chiếu kết quả kiểm tra thực tế hàng hóa, kết quả giám định hàng hóa, kết quả tham vấn giá, nội dung giải trình và tài liệu bổ sung của người khai hải quan với các quy định của pháp luật về thuế để xác định các yếu tố tính thuế và phương pháp tính thuế, số tiền thuế phải nộp của mặt hàng và lô hàng làm thủ tục thông quan.

-Trường hợp có sự khác nhau về yếu tố tính thuế và phương pháp tính thuế, số tiền thuế phải nộp do công chức hải quan xác định so với khai báo của người khai hải quan thì tính lại số tiền thuế phải nộp của mặt hàng bị ấn định thuế, báo cáo Chi cục trưởng.

-Trường hợp không có sự khác nhau về yếu tố tính thuế và phương pháp tính thuế, số tiền thuế phải nộp do công chức hải quan xác định so với khai báo của người khai hải quan và hàng hóa chưa thông quan thì kết thúc việc kiểm tra thuế trong thông quan, chuyển sang **điểm b, bước 5**.

**Bước 3:** Quyết định việc ấn định thuế:

Chi cục trưởng xem xét hồ sơ lô hàng và báo cáo của công chức hải quan làm thủ tục hải quan về việc cơ quan hải quan tính số tiền thuế phải nộp do



người khai hải quan không tự tính được hoặc do có sự khác nhau về yếu tố tính thuế và phương pháp tính thuế, số tiền thuế phải nộp do công chức hải quan xác định so với khai báo của người khai hải quan và có ý kiến chỉ đạo. Nội dung ý kiến chỉ đạo phải bao gồm: Có ấn định thuế hay không, ấn định yếu tố tính thuế hay ấn định toàn bộ số tiền thuế, ấn định yếu tố tính thuế nào.

**Bước 4:** Lập văn bản về việc quyết định ấn định thuế:


Công chức hải quan làm thủ tục hải quan căn cứ vào ý kiến chỉ đạo của Chi cục trưởng để lập quyết định về việc ấn định thuế trình Chi cục trưởng ký ban hành. Quyết định được lập thành 02 bản.

**Bước 5:** Lưu văn bản ấn định thuế, kiểm tra chứng từ nộp thuế và xử lý thông tin về thuế của lô hàng:

a. Lưu văn bản ấn định thuế: Sau khi Chi cục trưởng ký Quyết định ấn định thuế, công chức hải quan làm thủ tục hải quan chuyển cho người khai hải quan 01 bản Quyết định và lưu 01 bản trong bản lưu hồ sơ lô hàng của cơ quan hải quan.

b. Kiểm tra chứng từ nộp thuế đối với lô hàng phải nộp xong thuế trước khi nhận hàng.

c. Cập nhật thông tin về thuế của lô hàng vào hệ thống dữ liệu điện tử có liên quan (KT 559, GTT22...). *nlm*

KT. TỔNG CỤC TRƯỞNG  
PHÓ TỔNG CỤC TRƯỞNG  
  
*[Handwritten signature]*  
Nguyễn Ngọc Túc